

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ GIÁ TRỊ BẢO TỒN THỰC VẬT HỌ DÈ TẠI VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

Trần Việt Hà¹, Nguyễn Việt Hùng², Phạm Thị Quỳnh¹

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

²Vườn Quốc gia Vũ Quang

TÓM TẮT

Thành phần loài họ Dẻ (Fagaceae) tại Vườn Quốc gia (VQG) Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh khá phong phú với 67 loài thuộc 5 chi Dẻ tương đương với 30,46% so với tổng số 220 loài Dẻ của Việt Nam. So với số liệu công bố trước đây thì nghiên cứu này tại Vũ Quang đã xác định thêm được một chi mới là chi Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus*) và 7 loài mới. Thực vật họ Dẻ tại khu vực nghiên cứu có giá trị bảo tồn cao với 12 loài nguy cấp. Trong đó có 10 loài sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài nguy cấp (EN). Tại VQG Vũ Quang, các loài thực vật họ Dẻ có phân bố chủ yếu trong kiểu rừng thường xanh trên núi thấp, ở độ cao từ 300 - 1000 m và kiểu rừng thường xanh trên núi cao, có độ cao từ 1400 - 1900 m. Riêng Sồi ba cạnh chỉ phát hiện thấy ở độ cao trên 1700 m so với mực nước biển. Nghiên cứu cũng đã mô tả một số đặc điểm nổi bật của các loài mới được phát hiện bổ sung tại VQG Vũ Quang, bao gồm: Kha thụ trung bộ (*Castanopsis annamensis* Hance), Kha thụ trung hoa (*Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance), Dẻ lỗ (*Lithocarpus fenestratus* (Rohb.) Rehd), Dẻ vũ quang (*Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.)), Dẻ lá xoan (*Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus), Sồi đĩa (*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus), Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus verticillata* Forman). Đặc biệt, trong số 7 loài kể trên thì loài Dẻ vũ quang (*Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.)) là loài phát hiện mới cho khoa học.

Từ khóa: Bảo tồn, họ Dẻ, thành phần loài, Vườn Quốc gia Vũ Quang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh có vị trí địa lý nằm xen kẽ giữa VQG Pù Mát ở phía Bắc và VQG Phong Nha Kẻ Bàng ở phía Nam, lại tiếp giáp với độ dài trên 62 km đường biên giới của nước bạn Lào nên Vũ Quang, cùng với Khu Bảo tồn thiên nhiên Nakai-Nam Theun của CHDCND Lào tạo thành một khu vực bảo tồn lớn nhất, có hệ sinh thái tự nhiên còn lại ở khu vực Bắc Đông Dương chứa đựng nhiều tiềm ẩn về đa dạng sinh vật. Cho đến nay có khoảng 1.678 loài thực vật có mạch, với nhiều loài quý hiếm có giá trị bảo tồn cao đã được ghi nhận tại VQG Vũ Quang (Tagane et al., 2016).

Họ Dẻ (Fagaceae) là một họ thực vật lớn, đa dạng về thành phần loài, trong đó có nhiều loài đem lại giá trị cao, cung cấp lâm sản phục vụ đời sống xã hội. Ở Việt Nam họ Dẻ có khoảng 220 loài, phân loài và thứ (Khamleck, 2004), nhiều loài thực vật họ Dẻ là loài ưu thế, có vai trò sinh thái quan trọng trong cấu trúc của các kiểu rừng thường xanh của Việt Nam. Tại VQG Vũ Quang, trước năm 2000 đã thống kê được 3 chi với 25 loài thực vật họ Giẻ, năm

2014 đã ghi nhận bổ sung thêm 1 chi và 35 loài, nâng tổng số loài thực vật họ Dẻ lên 60 loài với 4 chi (Nguyễn Việt Hùng et al., 2014). Mặc dù vậy, những ghi nhận về họ Dẻ tại VQG Vũ Quang hiện nay vẫn chưa phản ánh đúng với thực tế đa dạng thực vật ở Họ này.

Bài báo này công bố kết quả điều tra mới nhất (năm 2017) về họ Dẻ tại VQG Vũ Quang với mục đích chính là nhằm điều tra phát hiện loài mới để bổ sung cho danh lục thực vật họ Dẻ tại khu vực nghiên cứu, góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho bảo tồn các loài thực vật họ Dẻ ở Vũ Quang nói riêng và ở Việt Nam nói chung một cách bền vững.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu thành phần loài và giá trị bảo tồn của các loài thực vật họ Dẻ tại Vườn Quốc gia Vũ Quang.

Nghiên cứu đặc điểm phân bố của các loài họ Dẻ ở VQG Vũ Quang.

Nghiên cứu đặc điểm của các loài mới được phát hiện bổ sung ở VQG Vũ Quang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu

có sẵn: Một số thông tin sử dụng trong bài báo này có được từ tổng hợp và phân tích các tài liệu kế thừa của các nghiên cứu đã công bố về họ Dẻ tại VQG Vũ Quang.

Phương pháp điều tra ngoại nghiệp: Số liệu hiện trường được thu thập trên 5 tuyến điều tra đi qua hầu hết các sinh cảnh của VQG Vũ Quang. Trên các tuyến điều tra tiến hành thu thập số liệu về thành phần loài thuộc họ Dẻ, xác định số lượng cá thể từng loài, định vị bằng máy GPS và thu mẫu.

Phương pháp chuyên gia: sử dụng phương pháp chuyên gia trong giám định mẫu và xác định tên khoa học của thực vật.

Phương pháp đánh giá tính đa dạng của hệ thực vật: Đánh giá các taxon, xác định các loài họ Dẻ nguy cấp và vấn đề bảo tồn dựa vào các tiêu chuẩn của Sách Đỏ Việt Nam (2007) và sách đỏ IUCN bao gồm: loài đã tuyệt chủng (EX), loài bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW), loài rất nguy cấp (CR), loài nguy cấp (EN), loài sẽ nguy cấp (VU), loài bị đe dọa loài ít nguy cấp (LR).

Định loại: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh với hình ảnh các mẫu chuẩn (Type) và dựa vào bản mô tả trong tài liệu: Flora of China (1998) và Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (2000).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về thành phần loài

Kết quả điều tra thành phần loài họ Dẻ tại VQG Vũ Quang đã xác định được 67 loài thuộc 5 chi Dẻ. Trong số đó có 7 loài và 1 chi mới phát hiện lần đầu tại Vũ Quang. Số liệu cụ thể được trình bày ở bảng 1.

Kết quả tại bảng 1 cho thấy, Trong số 5 chi thực vật họ Dẻ thì chi Dẻ cau (*Lithocarpus*) có số lượng loài nhiều nhất với 40 loài; tiếp đó là chi Sồi (*Quercus*) có 14 loài; chi Dẻ gai (*Castanopsis*) có 11 loài; hai chi: Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus*) và Dẻ (*Castanea*) mỗi chi chỉ phát hiện được 1 loài. So với số liệu công bố của Nguyễn Việt Hùng và cộng sự (2014) thì nghiên cứu này tại Vũ Quang đã xác định thêm được 1 chi mới là chi Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus*), 07 loài mới gồm: Kha thụ trung bộ (*Castanopsis*

annamensis Hance); Kha thụ trung hoa (*Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance); Dẻ lỗ (*Lithocarpus fenestratus* (Rhub.) Rehd); Dẻ vũ quang (*Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.); Dẻ lá xoan: (*Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus); Sồi đĩa: (*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus) và Sồi 3 cạnh: (*Trigonobalanus verticillata* Forman). Đặc biệt, trong số 7 loài lần đầu xác định có phân bố tại Vũ Quang thì loài Dẻ vũ quang (*Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.) là loài phát hiện mới cho khoa học (Nguyen Van Ngoc et al., 2018).

So sánh với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tiến Bản (2003) cho thấy: VQG Vũ Quang với diện tích khoảng 56.647 ha đã phát hiện 5 trên tổng số 6 chi Dẻ chiếm 83,33%, với 67 loài tương đương với 30,46% so với tổng số 220 loài Dẻ của Việt Nam. Rõ ràng VQG Vũ Quang là khu vực có mức độ đa dạng cao về thành phần loài họ Dẻ.

3.2. Giá trị bảo tồn

Theo Sách Đỏ Việt Nam 2007, họ Dẻ ở Vũ Quang có 12 loài nguy cấp. Trong đó có 10 loài sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài nguy cấp (EN) (bảng 2). Trong số 07 loài Dẻ mới phát hiện tại Vũ Quang thì có đến 02 loài gồm Sồi 3 cạnh (*Trigonobalanus verticillata* Forman) và Sồi đĩa (*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus) đã bị liệt vào danh sách các loài sẽ nguy cấp và nguy cấp của Việt Nam.

Hiện nay, các loài thực vật nguy cấp trong họ Dẻ chỉ tồn tại rải rác ở một số khu vực như: dốc Dẻ, khe Lim... Đặc biệt là quần thể Sồi ba cạnh lần đầu tiên phát hiện được ở VQG Vũ Quang có khoảng hơn 100 cá thể phân bố giáp biên giới Việt Lào dọc theo tiểu khu 224. Đây là những loài có phẩm chất gỗ trung bình nhưng cũng đã bị khai thác nhiều lần để lấy gỗ nên khả năng tái sinh của chúng trong tự nhiên rất ít do hạt của loài này thường bị các loài gặm nhấm và linh trưởng sử dụng làm thức ăn. Ngoài ra, một số loài còn cung cấp nguồn tanin cho các ngành công nghiệp mỹ nghệ. Do vậy, cần có những chính sách hợp lý để bảo tồn và phát triển chúng trong tương lai.

Bảng 1. Đa dạng taxon thực vật họ Dẻ tại VQG Vũ Quang

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
Gen. 1. <i>Castanea</i> Mill.			19	<i>Lithocarpus braianensis</i> A. Camus	Dẻ braian
1	<i>Castanea</i> sp.	Dẻ	20	<i>Lithocarpus calathiformis</i> (Skan) A. Camus	Dẻ thúng
Gen.2. <i>Castanopsis</i> (D. Don) Spach			21	<i>Lithocarpus corneus</i> (Lour.) Rehd. in Bailey	Sòi đỏ
2	<i>Castanopsis acuminatissima</i> (Blume) A. DC. ex Hance	Dẻ gai lá nhọn	22	<i>Lithocarpus cryptocarpus</i> A. C	Dẻ ăn quả
3	<i>Castanopsis annamensis</i> Hickel & A.C*	Kha thụ trung bộ	23	<i>Lithocarpus dealbatus</i> (Hook.f. & Thoms.) Rehd.	Dẻ trắng
4	<i>Castanopsis chinensis</i> (Spreng.) Hance*	Kha thụ trung hoa	24	<i>Lithocarpus dealbatus</i> var. <i>brachycladus</i> A. Camus	Dẻ lông ngắn
5	<i>Castanopsis choboensis</i> Hickel & A. Camus	Dẻ chợ bò	25	<i>Lithocarpus dodonaeifolius</i> (Hayata) Hayata*	Dẻ dodonea
6	<i>Castanopsis clarkei</i> Hook. f. var. <i>pseudindica</i> (Hickel & A. Camus) Hickel & A. Camus	Dẻ gai bãi thượng	26	<i>Lithocarpus ducampii</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ đỏ
7	<i>Castanopsis ferox</i> (Roxb.) Spach	Cà ôi vọng phu	27	<i>Lithocarpus echynophorus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Sòi gai
8	<i>Castanopsis fissus</i> (Champ. ex Benth.) A. Camus	Dẻ chẻ	28	<i>Lithocarpus elegans</i> (Blume) Hatusma ex Soepadma	Dẻ thanh
9	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	Cà ôi lá đỏ	29	<i>Lithocarpus farinulentus</i> (Hance) Hickel & A. Camus	Dẻ bột
10	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A. DC.	Cà ôi ấn độ	30	<i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehder *	Dẻ lỗ
11	<i>Castanopsis tribuloides</i> (Smith) A. DC.	Cà ôi gai trổng	31	<i>Lithocarpus gagnepainiana</i> A. Camus	Dẻ gagnepain
12	<i>Castanopsis uonbiensis</i> Hickel & A. Camus	Dẻ gai uông bí	32	<i>Lithocarpus gigantophyllus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cau
Gen.3. <i>Lithocarpus</i> Blume			33	<i>Lithocarpus hemisphaericus</i> (Drake) Barnett	Dẻ bán cầu
13	<i>Lithocarpus ailaonensis</i> A. Camus	Dẻ ailao	34	<i>Lithocarpus honbaensis</i> A. Camus	Dẻ hòn bà
14	<i>Lithocarpus amygdalifolius</i> (Skan) Hayata	Dẻ hạnh nhân	35	<i>Lithocarpus lemeeanthus</i> A. Camus	Dẻ le mé
15	<i>Lithocarpus annamensis</i> (Hickel & A. Camus) Barnett	Sòi trung bộ	36	<i>Lithocarpus longipedicellata</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cuống dài
16	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ bắc giang	37	<i>Lithocarpus magneinii</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ the
17	<i>Lithocarpus balansae</i> (Drake) A. Camus	Sòi đá lá mác	38	<i>Lithocarpus microspermus</i> A. Camus	Dẻ trái nhỏ
18	<i>Lithocarpus bentramensis</i> (A. Camus) A. Camus	Dẻ bến trạm	39	<i>Lithocarpus ochrocarpus</i> A. Camus	Dẻ trái sét

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
40	<i>Lithocarpus pachylepis</i> A. Camus	Dẻ vảy dày	54	<i>Quercus bambusaefolia</i> Hance in Seem.	Dẻ lá tre
41	<i>Lithocarpus pseudo-reinwardtii</i> A. Camus	Dẻ dạng reinwardt	55	<i>Quercus chevalieri</i> Hickel & A. Camus	Sồi chevalier
42	<i>Lithocarpus pseudo-vestitus</i> A. Camus	Dẻ dạng phù	56	<i>Quercus dussaudii</i> Hickel & A. Camus	Sồi dussaud
43	<i>Lithocarpus rhabdostachyus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ giẻ đòn	57	<i>Quercus edithae</i> Skan	Sồi edith
44	<i>Lithocarpus scortechinii</i> (King ex Hook.f.) A. Camus	Dẻ vảy lông	58	<i>Quercus gemelliflora</i> Blume	Sồi song sanh
45	<i>Lithocarpus silvicolarum</i> (Hance) Chun	Dẻ rừng	59	<i>Quercus glauca</i> Thunb. sp. <i>annulata</i> (Smith) A. Camus	Sồi vòng
46	<i>Lithocarpus</i> sp.	Dẻ	60	<i>Quercus langbianensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi guôi
47	<i>Lithocarpus thomsonii</i> (Miq.) Rehd.	Dẻ thomson	61	<i>Quercus leucotrichophora</i> A. Camus	Sồi bạch mao
48	<i>Lithocarpus truncatus</i> (King ex Hook.f.) Rehd.	Sồi quả vát	62	<i>Quercus macrocalyx</i> Hickel & A. Camus	Sồi đầu to
49	<i>Lithocarpus vestitus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cau lông trắng	63	<i>Quercus petelotii</i> A. Camus	Sồi petelot
50	<i>Lithocarpus vinhensis</i> A. Camus	Giẻ vinh	64	<i>Quercus platycalyx</i> Hickel & A. Camus *	Sồi đĩa
51	<i>Lithocarpus vuquangensis</i> Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.) *	Dẻ vũ quang	65	<i>Quercus setulosa</i> Hickel & A. Camus	Sồi đuôi
52	<i>Lithocarpus xyloarpus</i> (Kurz) Markgraf.	Dẻ trái cứng	66	<i>Quercus</i> sp.	Sồi
Gen.4. <i>Quercus</i> L.		Sồi	Gen. 5. <i>Trigonobalanus</i>		Sồi ba cạnh
53	<i>Quercus austrocochinchinensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi nam bộ	67	<i>Trigonobalanus verticillata</i> Forman*	Sồi ba cạnh

Ghi chú: (*) các loài mới phát hiện tại VQG Vũ Quang.

Bảng 2. Các loài thực vật nguy cấp trong họ Dẻ (Fagaceae) ở VQG Vũ Quang

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tình trạng
1	<i>Castanopsis ferox</i>	Cà ôi vọng phu	VU
2	<i>Castanopsis hystrix</i>	Cà ôi lá đỏ	VU
3	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i>	Dẻ bắc giang	VU
4	<i>Lithocarpus balansae</i>	Sồi đá lá mác	VU
5	<i>Lithocarpus hemisphaericus</i>	Dẻ bán cầu	VU
6	<i>Lithocarpus truncatus</i>	Sồi quả vát	VU
7	<i>Lithocarpus vestitus</i>	Dẻ cau lông trắng	EN
8	<i>Quercus macrocalyx</i>	Sồi đầu to	VU
9	<i>Quercus langbianensis</i>	Sồi guôi	VU
10	<i>Quercus setulosa</i>	Sồi đuôi	VU
11	<i>Quercus platycalyx</i>	Sồi đĩa	VU
12	<i>Trigonobalanus verticillata</i>	Sồi ba cạnh	EN

3.3. Phân bố của các loài thuộc họ Dẻ ở VQG Vũ Quang

Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài họ Dẻ tại VQG Vũ Quang phân chủ yếu trong kiểu rừng thường xanh ở cả khu vực núi thấp và núi cao.

Các loài phân bố ở kiểu rừng thường xanh núi thấp ở độ cao từ 300 - 1000 m gồm: Cà ổi vọng phu (*C. ferox*), Cà ổi lá đỏ (*C. hystrix*), Cà ổi gai trổng (*C. tribuloides*), Dẻ thúng (*L. calathiformis*), Dẻ gai ấn độ (*C. indica*), Dẻ gai trung bộ (*C. annamensis*), Dẻ ailao (*L. ailaoensis*), Dẻ hạnh nhân (*L. amygdalifolius*), Dẻ chẻ (*C. fissus*), Dẻ trắng (*L. dealbatus*), Dẻ cau (*L. gigantophyllus*), Dẻ the (*L. magneinii*), Dẻ trái nhỏ (*L. microspermus*), Dẻ vẩy lông (*L. scortechinii*), Dẻ lỗ (*L. fenestratus*), Sồi đỏ (*L. corneus*), Sồi quả vát (*L. truncatus*), Sồi trung bộ (*L. annamensis*), Sồi nam bộ (*Q. austrocochinchinensis*), Sồi lá tre (*Q. neclegta*), Sồi đá lá mác (*L. balansae*), Sồi đĩa (*Q. platyalix*)...

Một số loài phân bố ở kiểu rừng thường xanh trên núi cao, với độ cao từ 1400 - 1900 m, điển hình là các loài: Dẻ braian (*L. braianensis*), Dẻ lông ngắn (*L. dealbatus* var. *brachycladus*), Dẻ hòn bà (*L. honbaensis*), Dẻ leme (*L. lemeanthus*), Dẻ lá xoan (*L. obovalifolius*), Dẻ vũ quang (*L. vuquangensis*), Dẻ trái sét (*L. ochrocarpus*), Dẻ trái cứng (*L. xyloarpus*), Sồi

gai (*L. echynophorus*), Sồi chevalier (*Q. chevalieri*), Sồi vòng (*Q. glauca* sp. *annulata*), Sồi guôi (*Q. langbianensis*), Sồi đầu to (*Q. macrocalyx*), Sồi petelot (*Q. petelotii*), sồi 3 cạnh (*Trigonobalanus verticillata*).

3.4. Đặc điểm của các loài mới được phát hiện bổ sung tại VQG Vũ Quang

3.4.1. Kha thụ trung bộ: *Castanopsis annamensis* Hance

Mô tả: Cây gỗ lớn, cao đến 12 – 15 m, thân cây màu xám, cành non có lông. Lá rất dai, có phiến bầu dục hay tròn dài, đầu lá có đuôi, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới hơi vàng mờ gà, kích thước lá 12 - 18 x 3,5 - 5 cm, bìa lá nguyên, gân phụ gồm 12 - 14 cặp, cuống dài 1 - 1,5 cm. Gié mang trái dài 20 - 25 cm, đầu to 3 - 3,5 cm, bao tròn 1 trái, gai rất nhiều, nhọn và mảnh, dài 5 - 7 mm, quy đầu quả cao 17 - 19 mm, rộng 10 - 15 mm.

Sinh học và sinh thái học: Loài này phân bố rải rác ở rừng thưa và đai thấp khắp VQG Vũ Quang. Mọc cùng với các loài như Côm tầng (*Elaeocarpus griffithii*), Hà nu (*Ixonanthes chinensis*), Bưởi bung (*Acronychia pendunculata*). Có quả vào tháng 9 - 10.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang kha thụ trung bộ dễ bắt gặp tại các khu rừng thường xanh núi thấp, tại các tiểu khu 137B, 139B, 156, 155B.

Giá trị sử dụng: Cây cho gỗ.



Hình 1. Kha thụ trung bộ (*Castanopsis annamensis* Hance)
(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

3.4.2. Kha thụ trung hoa: *Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance

Mô tả: Cây gỗ lớn, cao đến hơn 15 m, vỏ có

màu xám, cành non không có lông, lá có phiến bầu dục, rất dai, ngả sang màu nâu vàng lúc khô, kích thước lá dài 8 - 13 cm, rộng 3 - 4,5 cm, đầu

lá nhọn, bìa có răng từ mũi lá xuống đến $\frac{1}{2}$ lá, gân phụ gồm 8 - 12 cặp nổi rõ, cuống lá dài 1 - 1,5 cm. Gié mang quả cao 11 - 12 cm, đầu to 2 -

3 cm có gai to dài 3 - 5 mm, có lông tơ, khi rụng nở làm 4 mảnh, quy đầu quả hình bầu dục cao khoảng 12 mm.



Hình 2. Kha thụ trung hoa: *Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance
(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

Sinh học và sinh thái học: Cây ưa sáng, tại VQG Vũ Quang kha thụ trung hoa mọc rải rác trong rừng nguyên sinh và có cả ở rừng thứ sinh. Cây mọc chung với các loài như: Sao mặt quỷ (*Hopea mollissima*), Sến mật (*Madhuca passquieri*), các loài dẻ trong chi *Lithocarpus*. Mùa hoa tháng 5 - 6, quả tháng 9 - 10.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang loài này bắt gặp phân bố ở rừng thường xanh núi thấp, tập trung ở độ cao từ 900 - 1000 m, thuộc các tiểu khu 197, 189, khu vực đỉnh dốc Dẻ.

Giá trị sử dụng: Cây cho gỗ, hạt ăn được, vỏ chứa tanin.

3.4.3. Dẻ lỗ: *Lithocarpus fenestratus* (Rohb.) Rehd

Mô tả: Cây gỗ lớn, cao đến 15 m, vỏ dai khi đẽo có thớ màu đỏ, cành non có lông hoe, lá có

phiến thon hẹp nhọn về 2 đầu, kích thước lá 14 - 21 x 3 - 6,5 cm, gân phụ thường gồm 12 cặp, mặt dưới lá xanh bạc, mép lá nguyên, cuống dài 1 - 1,5 cm, Đầu quả chụm 3, gié mang trái dài 15 cm, quy đầu quả rộng 1,5 - 2 cm, cao quả 1,5 cm

Sinh học và sinh thái: Dẻ lỗ phân bố ở các khu rừng nguyên sinh thuộc kiểu rừng thường xanh trên núi, mọc chung với các loài như côm (*Elaeocarpus* sp.), Sao mặt quỷ (*Hopea mollissima*), Re (*Cinnamomum* sp.). Mùa ra quả tháng 9 - 10.

Phân bố: Tại Vũ Quang, phân bố kiểu rừng thường xanh núi cao, thường xuất hiện ở độ cao từ 1000 - 1200 m, tại các tiểu khu 189, 202, 176, 177.

Giá trị sử dụng: Cây cho gỗ, hạt có nhiều tinh bột.



Hình 3. Dẻ lỗ: *Lithocarpus fenestratus* (Rohb.) Rehd
(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

3.4.4. Dẻ vũ quang: *Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.)

Loài mới cho khoa học được phát hiện tại Vũ Quang, Việt Nam.

Mô tả: Cây gỗ cao 15 - 20 m, cành non không lông, hơi vàng khi tươi và trở nên hơi nâu đỏ khi khô. Lá có phiến hình elip hẹp hoặc mũi mác, kích thước khoảng 5 - 7 x 2,3 - 3,6 cm, dai, mặt trên không lông, mặt dưới bao phủ bởi lớp nhung trắng, mũi lá nhọn, dài tới 1,2 cm, đáy

lá hình nêm, mép lá nguyên và uốn cong. Gân giữa phẳng hoặc hơi nổi lên ở mặt trên, mặt dưới nổi rõ, hơi xanh khi tươi và trở nên hơi đỏ khi khô; gân thứ cấp từ 7 - 10 cặp, nổi ở mặt dưới, tạo với gân giữa 1 góc từ 40 - 50⁰, gân cấp ba rất mờ dạng vân; cuống lá dài 1,1 - 1,5 cm, nhẵn, tròn. Phát hoa dài tới 8,5 cm. Chùm quả thẳng, hoá gỗ, dài tới 7 cm; cuống quả khoảng 2 mm, màu nâu nhạt, nứt, bao phủ bởi lớp lông mỏng.



Hình 4. Dẻ vũ quang: *Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung

(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

Đầu đơn độc, hình nón ngược, kích thước 3,3 cm cao x 1,8 cm bề ngang, bao 1/5 - 1/4 hạt; bao gồm 4 - 5 vòng vẩy. Hạt hình trứng bằng đầu, cao 1,7 - 2,0 cm x 2,1 - 2,4 cm rộng, màu nâu đỏ hoặc nâu nhạt, không lông; sẹo lõm, đường kính khoảng 1,1 cm.

Sinh học và sinh thái học: Phân bố ở độ cao trên 900 m, mọc tại đỉnh đồi hay sườn đồi, cây ưa sáng. Mùa ra hoa tháng 4 - 6, quả tháng 6 -

8, cây mọc chung với các loài *Castanopsis fissus*, *Alniphyllum fortunei*, *cinnamomum* sp., *Altingia* sp.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang Dẻ vũ quang chỉ được phát hiện tại độ cao từ 1300 - 1400 m tại tiểu khu 189 khu vực đỉnh dốc Dẻ.

Giá trị: Cây cho gỗ.

3.4.5. Dẻ lá xoan: *Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus)



Hình 5. Dẻ lá xoan: *Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus)

(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

Mô tả: Tiểu mộc cao tầm 5 - 7 m, thân cây đặc trưng bởi những đốm màu trắng nhỏ (như hạt) chạy dọc. Lá khít nhau, màu nâu đậm lúc khô, phiến xoan ngược, tù đến tròn ở phần đỉnh lá, mép lá nguyên và có xu hướng vắn ra phía sau, mặt trên lúc già có màu nâu đỏ, mặt dưới có màu xám trắng. Gân phụ từ 8 - 9 cặp, gân chính có màu vàng đậm, cuống lá dài 1 - 1,5 cm. Gié mang quả cao 9 - 11 cm, đầu thưa, rộng 2 - 3 mm, có 3 - 4 vẩy hàng, toàn bộ quy đầu quả có lông tơ màu trắng mịn như nhung bao phủ.

Sinh học và sinh thái học: Loài mọc ở độ cao từ 900 m trở lên, ở đỉnh đồi hoặc sườn đồi hay mép thung lũng. Thân cây có rêu phủ, đôi khi có lan Hoàng thảo đại bạch hạc (*Dendrobium chrystianum*) bám nhiều. Cây mọc chung với các loài như: Luống xương trà (*Aneslia fragrans*), dẻ vẩy dày (*Lithocarpus pachylepis*), Côm (*Elaeocarpus* sp.), Kim giao núi đất (*Nageia wallichiana*). Mùa hoa tháng 6 - 7, quả tháng 7 - 9.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang Dẻ lá xoan xuất hiện trong kiểu rừng thường xanh trên núi cao, thường phát hiện thấy loài này tại độ cao từ 1200 - 1500 m, ở các tiểu khu 189 (khu vực dốc dẻ) và 223, 224.

Giá trị sử dụng: Cây cho gỗ.



Hình 6. Sồi đĩa: *Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus.
(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

3.4.7. Sồi 3 cạnh: *Trigonobalanus verticillata* Forman

Mô tả: Cây gỗ lớn, cao 25 - 35 m, đường kính 40 - 70 cm. Gốc cây có bạnh (đặc trưng). Cành non lúc đầu đầy lông tơ hình sao. Lá kèm xen cuống, hình trứng mũi mác, cỡ 4 - 5 x 2 - 3

3.4.6. Sồi đĩa: *Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus

Mô tả: Cây gỗ lớn cao 20 - 22 m. Lá hình mác rộng, cỡ 12 - 16 x 3 - 4 cm, chóp lá nhọn, gốc lá hình nêm; mép khía răng cưa nông ở nửa phía chóp lá; gân bên 9 - 11 đôi, song song và tận mép, tạo với gân chính một góc 45 - 50⁰; cuống lá dài chừng 1 cm. Đầu hình như không cuống, hình đĩa nông (trẹt), cao gần 1 cm, đường kính 3 - 4 cm, mặt ngoài có 6 - 7 vòng đồng tâm với mép hơi khía răng; miệng đầu hoàn toàn tách rời khỏi hạch và đầu chỉ dính với hạch bởi sẹo. Hạch (hạt) hình trứng ngược cụt ở đáy đặc biệt lệch về một bên, có mỏ nhỏ ở gần đỉnh, cao 3,5 - 4 cm, đường kính 1,5 - 2 cm.

Sinh học và sinh thái học: là cây ưa sáng, Ra hoa tháng 6 - 8, có quả tháng 12 - 2 (năm sau). Cây mọc chung với các loài như: Cà ổi Ấn độ (*Castanopsis indica*), Côm tầng (*Elaeocarpus griffithii*), Sao mặt quỷ (*Hopea mollissia*), Nhọc (*Polyanthia* sp.) vn.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang Sồi đĩa phân bố rải rác tại các khu rừng thường xanh núi thấp, tập trung ở độ cao dưới 500 m, thuộc các tiểu khu 180B, 182, 177, 176.

Giá trị sử dụng: Gỗ dùng trong xây dựng, đóng đồ gia dụng, làm trụ mỏ.

mm. Lá mọc thành vòng 3, dai như da, hình bầu dục hay trứng ngược, cỡ 6 - 10 x 3,5 - 5 cm, mặt dưới có lông hình sao (nhất là trên các gân), chóp lá tù đến gần tròn, gốc lá hình nêm; mép khía tai bèo ở phần chót; gân bên 8 - 11 đôi, cong ở gần mép; cuống lá dài 5 - 10 mm.

Gié dài 5 - 10 cm, mọc đứng. Đầu gần như không cuống, phía ngoài có các vảy xếp lớp, hở và thường xẻ 3 thùy, chứa 3 - 7 hạch. Hạch

(hạt) hình 3 cạnh, cao 5 - 7 mm, rộng 3 - 5 mm, có lông hình sao.



Hình 7. Sồi 3 cạnh: *Trigonobalanus verticillata* Forman
(Ảnh: Nguyễn Việt Hùng)

Sinh học và sinh thái: Phân bố tại đai cao, chung với các loài *Cinnamomum* sp., *Rhododendron* sp., *Schima* sp., *Quercus* sp., *Michelia* sp.. Mùa ra quả từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.

Phân bố: Tại VQG Vũ Quang, Sồi ba cạnh mới chỉ được phát hiện tại độ cao trên 1700 m, tại đỉnh giữa tiểu khu 224 và 223 khu vực giáp biên giới Việt Lào. Trong khu vực này sồi 3 cạnh là loài ưu thế, mọc tập trung ưu hợp.

Giá trị sử dụng: Gỗ cứng, dùng trong xây dựng và đóng đồ gia dụng.

4. KẾT LUẬN

Vườn Quốc gia Vũ Quang là khu vực có mức độ đa dạng cao về thành phần loài họ Dẻ. Kết quả điều tra thành phần loài họ Dẻ tại khu vực đã xác định được 67 loài thuộc 5 chi Dẻ. Trong số đó có 7 loài và 1 chi mới phát hiện lần đầu. Trong số 5 chi thực vật họ Dẻ thì chi Dẻ cau (*Lithocarpus*) có số lượng loài nhiều nhất với 40 loài; tiếp đó là chi Sồi (*Quercus*) có 14 loài; chi Dẻ gai (*Castanopsis*) có 11 loài; hai chi: Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus*) và Dẻ (*Castanea*) mỗi chi chỉ phát hiện được 1 loài.

Các loài trong họ Dẻ tại vườn Quốc gia Vũ Quang có giá trị bảo tồn cao với 12 loài nguy cấp trong danh lục sách đỏ Việt Nam. Trong đó có 10 loài sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài nguy cấp (EN). Trong số 07 loài Dẻ mới phát hiện tại Vũ Quang thì có đến 02 loài gồm Sồi 3 cạnh (*Trigonobalanus verticillata* Forman) và

Sồi đĩa (*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus) đã bị liệt vào danh sách các loài sẽ nguy cấp và nguy cấp của Việt Nam. Nghiên cứu cũng đã đánh giá được đặc điểm hình thái, sinh thái, phân bố, giá trị sử dụng của 7 loài mới phát hiện bổ sung tại vườn quốc gia Vũ Quang, bao gồm: Kha thụ trung bộ (*Castanopsis annamensis* Hance), Kha thụ trung hoa (*Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance), Dẻ lỗ (*Lithocarpus fenestratus* (Rohb.) Rehd), Dẻ vũ quang (*Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.)), Dẻ lá xoan (*Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus), Sồi đĩa (*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus), Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus verticillata* Forman).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khamleck Xaydala (2004). *Nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh thái một số đại diện họ Dẻ (Fagaceae) ở Lào*. Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
2. Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thanh Sơn, Thái Cảnh Toàn, Đào Huy Phiên, Mai Thiết Sơn, Phạm Nữ Quỳnh Anh, Trần Đình Anh (2014). Kết quả điều tra về họ dẻ (Fagaceae) ở vườn quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh. *Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp*, (1), tr. 3095 - 3100.
3. Phạm Hoàng Hộ (2000). *Cây cỏ Việt Nam, Quyển II*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 612 - 666.
4. Ngoc NV, Hung NV, Binh HT, Tagane S, Toyama H, Son HT, Ha TV, Yahara T (2018). *Lithocarpus vuquangensis* (Fagaceae), a new species from Vu Quang National Park, Vietnam. *PhytoKeys* 95: 15 - 25. <https://doi.org/10.3897/phytokeys.95.21832>.

5. Tagane S, Nguyen VH, Ngoc NV, Son HT, Toyama H, Yang C-J, Yahara T (2016). *Homalium glandulosum* (Salicaceae), a new species from Vu Quang National Park, North Central Vietnam. *PhytoKeys* 58: 97 - 104. <https://doi.org/10.3897/phytokeys.58.6816>.

SPECIES COMPOSITION AND CONSERVATION VALUE OF FAGACEAE FAMILIA IN VU QUANG NATIONAL PARK, HA TINH PROVINCE

Tran Viet Ha¹, Nguyen Viet Hung², Pham Thi Quynh¹

¹Vietnam National University of Forestry

²Vu Quang National Park

SUMMARY

The species composition of Fagaceae in Vu Quang National Park, Ha Tinh province is quite abundant with 67 species belonging to 5 genera which are accounting for 30.46% compared to total 220 species of Vietnam. Compared to previously published, this study at Vu Quang has identified a new genus named *Trigonobalanus* and 7 new species. Fagaceae families in the study site are high in conservation value with 12 endangered species, which were 10 endangered species (VU) and 2 endangered species (EN). The Fagaceae species in this area mainly distribute in the lowland evergreen forest at an altitude of 300 - 1000 m and the highland evergreen forest, with the height of 1400 - 1900 m. Especially *Trigonobalanus verticillata* Forman only appears at an altitude of approximately 1700 m up to sea level. The study has shown some characteristics of new species discovered at Vu Quang National Park, including *Castanopsis annamensis* Hance, *Castanopsis chinensis* (Spreng.) Hance, *Lithocarpus fenestratus* (Rohb.) Rehd, *Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.), *Lithocarpus obovalifolius* (Hick & A. Camus, *Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus, *Trigonobalanus verticillata* Forman. Especially, from seven species above; *Lithocarpus vuquangensis* Ngoc & Hung sp. Nov. (in ed.) was the new species discovered for science.

Keywords: Conservation, fagaceae, species composition, Vu Quang National Park.

Ngày nhận bài : 13/12/2018

Ngày phản biện : 14/3/2019

Ngày quyết định đăng : 21/3/2019